

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HIỆU QUẢ

CN. ĐỖ MINH TIẾN

(Trường CDSP Vĩnh Phúc)

HIỆN nay, chúng ta đang thực hiện việc đổi mới nội dung và chương trình, SGK ở tất cả các cấp, bậc học. Đối với cấp học THCS, sau khi hoàn thành việc thay SGK năm học 2005 - 2006, chúng ta tiếp tục tiến hành triển khai nội dung bồi dưỡng theo chu kỳ (chu kỳ III, 2004 - 2007). Đi đôi với việc đổi mới chương trình, SGK là việc đổi mới PPDH để dạy học có hiệu quả cao. Trong bài viết này, tôi xin đề cập đến một số vấn đề liên quan đến việc dạy học có hiệu quả môn Toán ở trường THCS.

I. ĐỔI MỚI PPDH.

1. Luật Giáo dục năm 2005, điều 24.2 đã ghi “PPGD phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh, phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui hứng thú cho học sinh”

Trong thực tế, từ những năm 60 đến nay, PPDH Toán ở các trường phổ thông nước ta vẫn là cách dạy truyền thụ kiến thức trong SGK, thầy đọc, trò chép.

Trước sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay đòi hỏi nguồn lực lao động phải năng động, sáng tạo. Do đó, cần thiết phải đổi mới nội dung về PPDH.

2. Một số định hướng đổi mới PPDH.

Hướng đổi mới PPDH Toán hiện nay ở THCS là tích cực hóa các hoạt động của học sinh, phát triển khả năng tự học, nhằm hình thành cho học sinh tính tích cực, độc lập, sáng tạo, nâng cao năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, rèn kỹ năng vận dụng Toán học, đem đến cho học sinh hứng thú và say mê trong học tập.

Từ đó, nội dung dạy học môn Toán phải thông qua các hoạt động của học sinh ở các dạng :

- Nhận dạng : Khái niệm, định lí, phương pháp.

- Hoạt động mang tính toán học như : chứng minh, định nghĩa...

- Hoạt động trí tuệ phổ biến : lật ngược vấn đề, phân chia trường hợp, biện luận.

- Hoạt động tư duy : Phân tích, tổng hợp, so sánh, tương tự...

- Hoạt động ngôn ngữ.

3. Các phương pháp dạy học hiện nay đang áp dụng phổ biến :

- Khai thác tốt các ưu điểm của PPDH truyền thống đồng thời hạn chế các mặt nhược điểm của nó.

- Hai phương pháp dạy học tích cực hiện nay cần phát huy là :

- + PPDH đặt và giải quyết vấn đề.
- + Day học hợp tác theo nhóm nhỏ.

Các PPDH tích cực trên có tác dụng rất tốt trong việc phát huy được tính tích cực trong hoạt động của học sinh, song thực hiện của từng giáo viên phải hết sức tế nhị và linh hoạt. Hiện nay, ở một số giáo viên THCS thường còn nhiều hạn chế cần khắc phục.

- Áp dụng phương pháp còn gò ép, có lúc dạy phương pháp đặt và giải quyết vấn đề còn đặt ra nhiều câu hỏi vụn vặt, chất lượng không cao giống như “Phương pháp dạy học phát vấn” mà trước đây ta đã thực hiện một số năm.

- Khi áp dụng PPDH hợp tác theo nhóm nhỏ giáo viên chia một giờ dạy ra quá nhiều, điều kiện lớp học chưa phù hợp, chất lượng phiếu học tập còn thấp, điều hành giờ học của giáo viên chưa tốt... dẫn đến giờ học chất lượng chưa tốt.

- Chưa biết áp dụng kết hợp các PPDH một cách hài hòa trong một tiết học.

H. ĐỔI MỚI VIỆC LẬP KẾ HOẠCH BÀI HỌC THEO HƯỚNG PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC CỦA HỌC SINH” (SOẠN GIÁO ÁN)

1. Lập kế hoạch bài học (SGA) là công việc bắt buộc với mỗi giáo viên khi lên lớp. Để dạy học có hiệu quả việc đổi mới soạn giáo án là việc cực kì quan trọng của mỗi giáo viên trước khi lên lớp dạy một tiết học.

2. Những tồn tại hiện nay khi soạn giáo án : Khi soạn giáo án, giáo viên thường hiểu chưa đúng như :

- Soạn theo mẫu cố định (dọc, ngang...)

- Soạn giáo án là tóm tắt SGK hoặc chép lại SGK.

- Chép lại bài soạn, sử dụng giáo án cũ...

3. Đòi hỏi của PPDH tích cực : Phải đổi mới việc soạn giáo án theo hướng chỉ ra một hệ thống hoạt động của giáo viên và học sinh nhằm giúp học sinh tự tìm kiếm, khám phá, giải quyết vấn đề để đi đến mục tiêu bài học.

4. Trước khi soạn một giáo án, mỗi giáo viên cần phải :

- Đọc kĩ SGK, giải bài tập SGK, suy ngẫm nội dung bài, nội dung khó, những khó khăn của học sinh. Hình dung phương tiện dạy học, hình thành phương pháp...

- Phải tuân thủ 5 giai đoạn khi soạn giáo án:

+ Kiểm tra củng cố bài cũ, chuyển bài mới.

+ Hướng dẫn, diễn giải, khám phá, phát hiện và giải quyết vấn đề.

+ Tổng kết, hệ thống hóa vấn đề

+ Củng cố, hướng dẫn công việc ở nhà.

III. SỬ DỤNG CÓ HIỆU QUẢ CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC MÔN TOÁN.

1. Tầm quan trọng của phương tiện dạy học (thiết bị dạy học)

Trong nội dung chương trình Toán cấp THCS, nhiều khái niệm, định lí được hình thành nhờ thực tiễn, hình ảnh, mô hình, hình vẽ (đặc biệt là phần hình học không gian). Thiết bị dạy học là yếu tố không thể thiếu trong quá trình dạy học, nó đảm bảo cho học sinh lĩnh hội tốt các biểu tượng, khái niệm, quy tắc rồi tự nó hình thành kĩ năng, kĩ xảo.

2. Thực tế hiện nay ở các trường THCS:

a. Mặt ưu điểm :

- Trường và các cấp lãnh đạo ngành đã quan tâm đến việc xây dựng cơ sở vật chất, coi trọng việc trang bị, sử dụng, bảo quản thiết bị.

- Giáo viên đã sử dụng trang thiết bị, một số tự tạo thiết bị hoặc cải tiến thiết bị, khuyến khích học sinh sử dụng thiết bị, phối hợp các thiết bị để sử dụng có hiệu suất cao, đã lấy việc sử dụng thiết bị làm tiêu chí đánh giá giờ dạy theo PPDH tích cực.

b. Mặt nhược điểm :

- Nguồn đầu tư cho thiết bị chưa thỏa đáng, chưa có phòng học bộ môn (ở hầu hết các trường, bảo quản thiết bị yếu)

- Chưa có cán bộ chuyên trách, thường giao cho giáo viên kiêm nhiệm.

- Một số lãnh đạo và giáo viên còn xem nhẹ việc sử dụng thiết bị, giờ thực hành chưa có hiệu quả thậm chí còn bỏ qua.

- Các thiết bị dạy học còn thiếu, cũ, lạc hậu, chưa phù hợp với nội dung chương trình mới.

- Thiết bị hiện đại như máy chiếu, vi tính, hầu như chưa có (đặc biệt với vùng sâu, vùng xa)

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Toán ở THCS.

a. Tầm quan trọng :

Các thiết bị của công nghệ thông tin, học sinh được tiếp cận với kiến thức và hoạt động Toán gắn liền với thực tế hơn. Các dữ liệu không chỉ còn là con số mà nhiều bài toán có nội dung trong đời sống, bài toán quỹ tích, dựng hình... mà phần mềm dạy học đã trở nên dễ hiểu và gần gũi.

Ngày nay, việc sử dụng máy tính điện tử với vai trò chức năng là phương tiện dạy học hiện đại đã trở thành xu thế của giáo dục hiện đại.

b. Một số phần mềm toán học đang được sử dụng : Mathematica, The Geometer's Sketchpad, Cabri Geometry.

Các tính năng của phần mềm trên rất tốt như : khả năng lưu trữ, tốc độ tính toán cực nhanh, sự di chuyển hình ảnh nhanh chóng kịp thời, phát hiện vấn đề nhanh... ngoài ra còn trợ giúp việc kiểm tra, đánh giá, củng cố.

c. Phần mềm Toán giúp hỗ trợ đắc lực cho dạy học môn Toán rất tốt như :

- Hình thành kiến thức Toán cho học sinh.

- Rèn luyện kĩ năng thực hành, củng cố kiến thức.

- Rèn luyện phát triển tư duy : dự đoán quỹ tích, hạn chế quỹ tích, dựng hình.

- Hình thành phẩm chất đạo đức tác phong cho học sinh.

4. Những hạn chế cần khắc phục hiện nay khi sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

a. Cần phải tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học và các điều kiện phục vụ cho việc sử dụng thiết bị; môi trường phải có phòng học bộ môn theo chuẩn, các thiết bị phải phù hợp với nội dung chương trình mới. Công tác quản lí phải tăng cường hơn như bảo quản thiết bị, theo dõi việc sử dụng, phải lấy việc sử dụng thiết bị là một tiêu chí đánh giá giờ dạy.

b. Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên sử dụng thiết bị, đặc biệt là sử dụng phần mềm tin học trong sử dụng dạy học toán như một công việc trước mắt và lâu dài.

IV. ĐỔI MỚI CÔNG TÁC KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ.

Trong phần này, tôi xin tham gia về hai hình thức kiểm tra, đó là kiểm tra tự luận và trắc nghiệm khách quan (TNKQ)

- TNKQ là hình thức kiểm tra đang được tiến hành trong thời gian gần đây. Nó có nhiều ưu điểm như trong một thời gian ngắn có thể kiểm tra được lượng kiến thức lớn, chống được tiêu cực trong thi cử, song cũng có những nhược điểm như nếu đề ra chất lượng không tốt thì khả năng phát triển tư duy sáng tạo sẽ thấp (so với hình thức tự luận) chưa kể có đề

ra chất lượng chưa cao, có bài ra thực tế phải tự luận mới làm được.

- Đội ngũ giáo viên hiện nay còn rất hạn chế khi gặp phải một đề kiểm tra theo hình thức TNKQ, nhiều giáo viên còn phân vân về tỉ lệ điểm trong một bài kiểm tra có hai hình thức TNKQ và tự luận.

Vì vậy, hình thức kiểm tra môn Toán THCS cần phải được xem xét bàn luận thống nhất, kết hợp với sự nỗ lực của giáo viên ở cơ sở để sớm có một quy định thống nhất.

C. KẾT LUẬN

Trên đây là một số ý kiến về vấn đề dạy Toán ở trường THCS. Là một giáo viên dạy Toán ở trường CĐSP với trách nhiệm đào tạo giáo viên Toán cho các trường THCS trong tỉnh, tôi có một số ý kiến về công tác đào tạo như sau :

1. Tăng cường công tác nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên trong quá trình dạy học ở trường, từng giáo viên khi dạy học phải có sự đổi mới trong PPDH, gắn bài dạy với thực tiễn phổ thông.

2. Cho sinh viên ngay từ năm đầu được tiếp xúc với thực tế phổ thông bằng hình thức có trường thực hành.

3. Nâng cao chất lượng của các đợt TTSP.

4. Các trường CĐSP phải có trung tâm hỗ trợ học tập, là nơi đủ điều kiện để giáo viên và học sinh đủ điều kiện tiếp cận các phương tiện dạy học hiện đại./.

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP MÔ HÌNH HOÁ VÀO GIẢNG DẠY HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

THS. ĐỖ NGỌC SƠN

(Bộ môn Mác - Lênin & T.T Hồ Chí Minh)

Để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH - HĐH đất nước, của sự phát triển khoa học - công nghệ, của sự hội nhập giáo dục - đào tạo trong khu vực và trên thế giới, Bộ Giáo dục & Đào tạo đã xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo những năm 2001 - 2010 với chủ trương đổi mới mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục - đào tạo và “coi đó là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của toàn ngành, của từng trường đại học, từng khoa, từng bộ môn, từng giảng viên”.

Quán triệt tư tưởng đó, các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng HCM cần phải có những đổi mới mới về phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập, nghiên cứu để không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị ở nước ta và đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giáo dục - đào tạo trong thời kỳ đổi mới.

Để hiện thực hoá những quan điểm trên trong giảng dạy học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cần vận dụng phương pháp mô hình hoá với tư cách là phương pháp có nhiều ưu thế nhằm kích thích sự hứng thú và chú ý của sinh viên về những nguyên lý kinh tế cơ bản được tiếp cận trong quá trình đào tạo.

1. Về phương pháp mô hình hoá trong giảng dạy học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin

1.1. Phương pháp và phương pháp giảng dạy

- Thuật ngữ phương pháp (Method) là khái niệm dùng để chỉ cách thức, con đường, phương tiện nhằm đạt mục đích nhất định.

- Thuật ngữ phương pháp giảng dạy, theo logic hình thức là giới hạn của khái niệm phương pháp được thể hiện trong lĩnh vực giáo dục. Phương pháp giảng dạy với tư cách là khoa học sư phạm, là khoa học về sự giảng dạy, truyền đạt kiến thức cho đối tượng người học. Phương pháp dạy học mang tính đặc thù. Tính đặc thù của nó không chỉ thể hiện ở đối tượng là những con người cụ thể, mà còn thể hiện ở chỗ, từ chân lý khoa học có sẵn, nhà sư phạm phải dùng phương pháp truyền tải chân lý đó vào đầu óc người học. Do đó, phương pháp dạy học luôn là sự thống nhất giữa nội dung tri thức với sự vận dụng phương pháp sư phạm để truyền tải tri thức cho đối tượng người học. Vì vậy, phương pháp giảng dạy Kinh tế chính trị cũng phải tuân theo quy trình tất yếu ấy.

1.2. Phương pháp giảng dạy kinh tế chính trị Mác - Lênin

Phương pháp giảng dạy kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm: Phương pháp biện chứng duy vật, phương pháp lôgic - lịch sử, phương pháp trừu tượng hoá khoa học và các phương pháp nghiên cứu chung như phương pháp mô hình hoá, thực nghiệm, thống kê, phân tích và tổng hợp, diễn dịch và quy nạp... Mỗi phương pháp đều có những ưu thế nhất định, tuy nhiên phương pháp mô hình hoá được xem là phương pháp có lợi thế đặc biệt.

1.3. Phương pháp mô hình hoá

Phương pháp mô hình hoá là một trong những phương pháp trực quan mà giảng viên sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, các phương tiện vật chất nhằm mục đích minh hoạ, bổ sung thêm cho kiến thức bài giảng.

Cơ sở lý luận của phương pháp mô hình hoá là dựa vào quá trình nhận thức theo quan điểm của triết học Mác - Lênin.

Về vấn đề này, Lênin viết: "Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn. Đó là quá trình của sự nhận thức chân lý khách quan".

Như vậy theo Lênin, quá trình nhận thức chia thành 2 giai đoạn: giai đoạn trực quan sinh động (cảm tính) và giai đoạn tư duy trừu tượng (lý tính).

- Ở giai đoạn nhận thức cảm tính, thông qua các giác quan, hình ảnh sự vật được con người nhận thức trực tiếp. Vì vậy, giai đoạn nhận thức cảm tính rất sinh động, rất phong phú và rất đáng tin cậy.

- Ở giai đoạn nhận thức lý tính, con người nhận thức sự vật một cách gián tiếp, nhận thức bằng tư duy thông qua những khái niệm, những phán đoán, những suy lý. Do đó, nhận thức của con người sâu sắc hơn vì nó đã đi sâu vào bản chất của sự vật, nhờ đó mà tìm ra những mối liên hệ, những quy luật vận động và phát triển của sự vật.

Xuất phát từ cơ sở lý luận trên, giảng viên kinh tế chính trị Mác - Lênin cần vận dụng phương pháp mô hình hoá trong quá trình giảng dạy. Cụ thể là, khi truyền thụ những kiến thức kinh tế, giảng viên cần sử dụng đồ dùng, phương tiện dạy học để minh hoạ, làm sáng tỏ các vấn đề nêu ra.

Tuy nhiên, trong phạm vi của bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung luận giải phương pháp mô hình hoá bằng sơ đồ với tư cách là một trong những hình thức cơ bản của phương pháp trực quan vào giảng dạy một số vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

1.4. Phương pháp mô hình hóa của kinh tế chính trị Mác - Lênin

Phương pháp mô hình hoá của kinh tế chính trị Mác - Lênin là phương pháp thiết kế, tái tạo, mô tả các hiện tượng kinh tế, các quá trình kinh tế, các mối liên hệ kinh tế, các quy luật kinh tế khách quan nhằm nghiên cứu, trình bày những vấn đề kinh tế một cách sâu sắc và chính xác hơn.

Chúng tôi cho rằng, với tư cách là phương pháp nhận thức khoa học, phương pháp mô hình hoá của kinh tế chính trị được xây dựng theo quy trình thứ bậc hoàn chỉnh như sau:

Một là, xây dựng mô hình dạy kinh tế chính trị bằng hệ thống sơ đồ bảng biểu một cách khoa học.

Hai là, phân tích mô hình theo lát cắt dọc - ngang nhằm tìm ra mối liên hệ kinh tế khách quan.

Ba là, chỉnh lý mô hình sao cho phản ánh đúng đắn các hiện tượng kinh tế, các quá trình kinh tế, các mối liên hệ kinh tế và các quy luật kinh tế khách quan.

Bốn là, thực nghiệm trên mô hình nhằm truyền tải kiến thức kinh tế cho đối tượng người học.

Năm là, đánh giá kết quả việc truyền tải những vấn đề kinh tế đã nêu ra bằng mô hình cho đối tượng người học.

Tuy nhiên, phương pháp mô hình hoá của kinh tế chính trị Mác - Lênin là mô hình kết cấu tư tưởng chứ không phải là mô hình kết cấu vật chất, nên nó chỉ được sử dụng trong khoa học sư phạm, chứ không nên sử dụng trong khoa học kỹ thuật. Song trong quá trình giảng dạy kinh tế chính trị theo phương pháp mô hình hóa, đòi hỏi giáo viên cần phải vừa lựa chọn, vừa phối hợp một cách linh hoạt các

phương pháp chung và các phương pháp riêng ở mức độ nào đó, sao cho phát huy được ưu thế của phương pháp mô hình hoá.

1.5. Những ưu điểm cơ bản của phương pháp mô hình hoá trong giảng dạy kinh tế chính trị Mác - Lênin

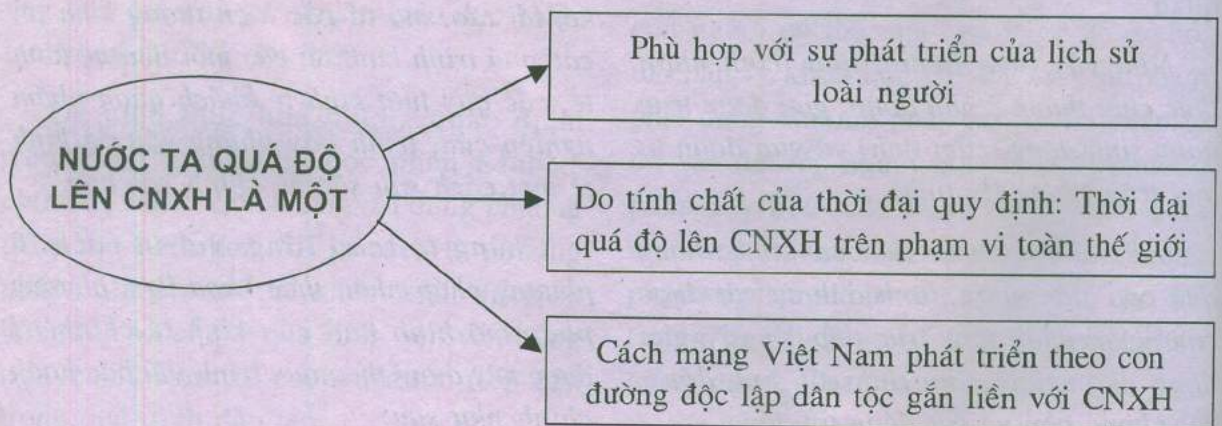
- Phương pháp mô hình hoá luôn phù hợp với tâm lý nhận thức của người học, với quá trình nhận thức chân lý khách quan, với quá trình nhận thức những vấn đề kinh tế, những mối liên hệ kinh tế và các quy luật kinh tế.

- Phương pháp mô hình hoá sẽ làm cho bài giảng kinh tế chính trị sinh động, phong phú hơn.

+ Góp phần làm tăng tính hấp dẫn, lôi cuốn người học và nghiên cứu những vấn đề kinh tế nhằm đạt hiệu quả như mong muốn.

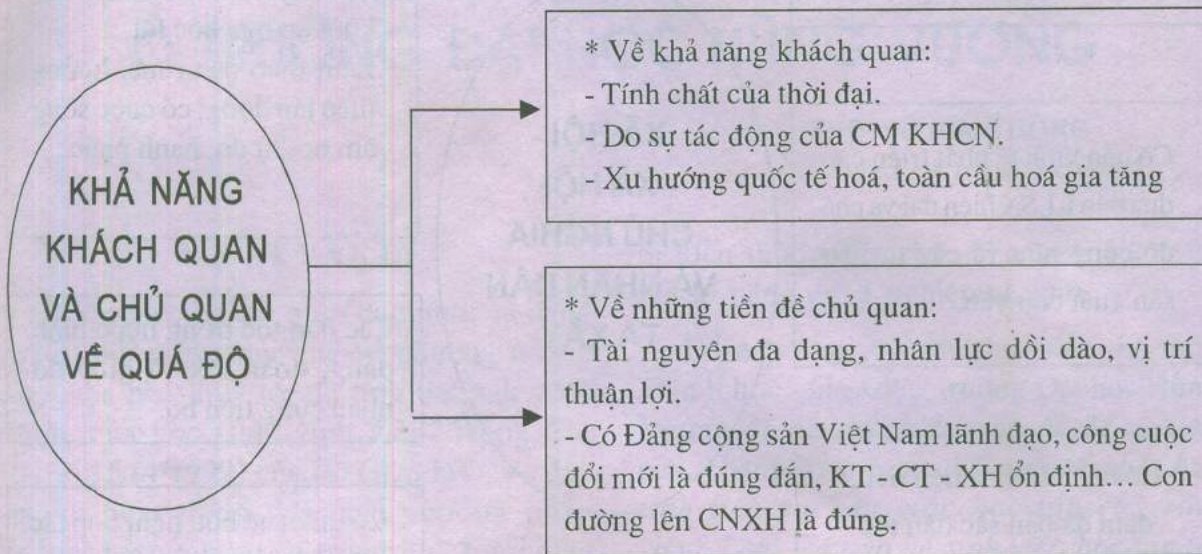
2. Một số minh họa về phương pháp mô hình hoá vận dụng vào giảng dạy vấn đề “Thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam”

2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam

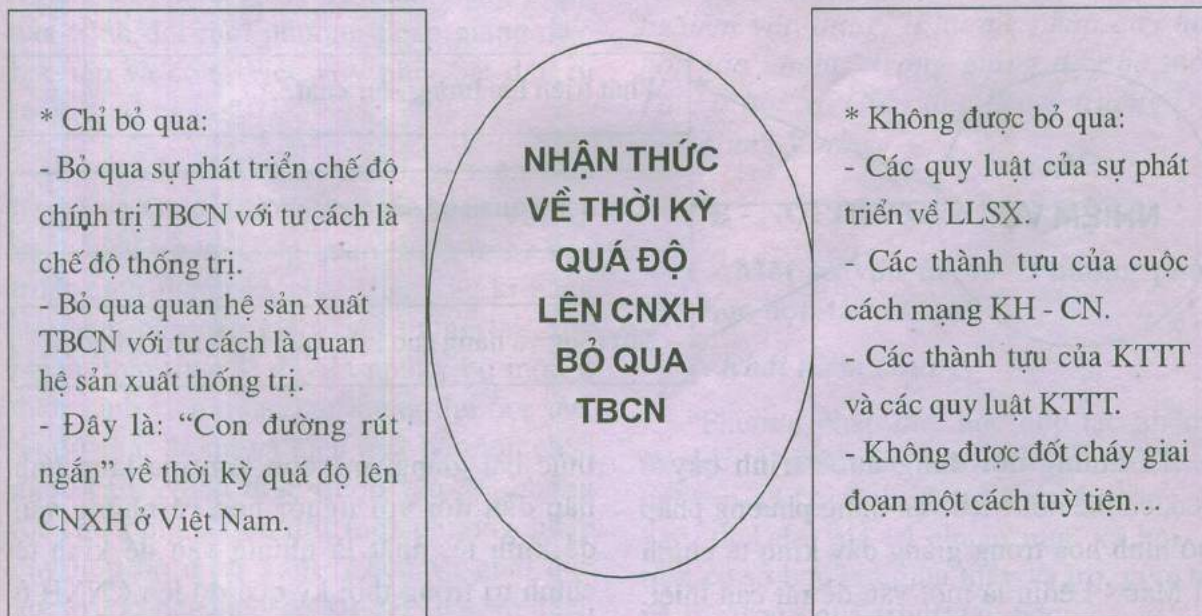


2.2. Quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN ở Việt Nam

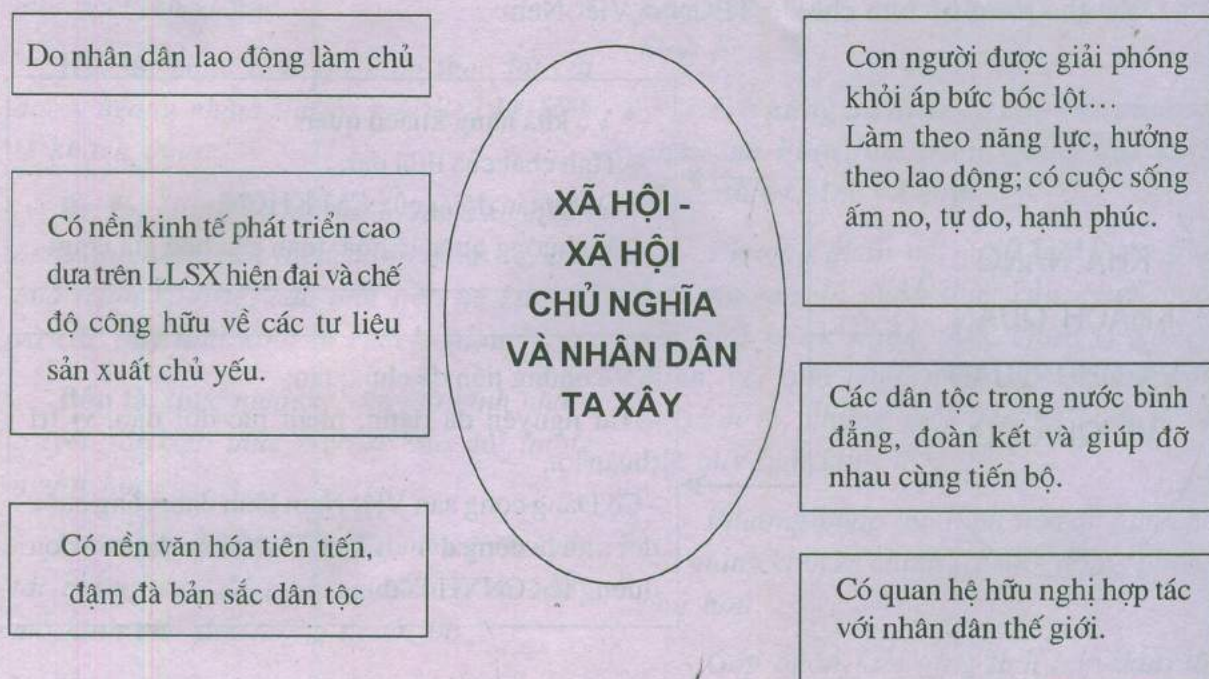
* Về khả năng bỏ qua chế độ TBCN ở Việt Nam



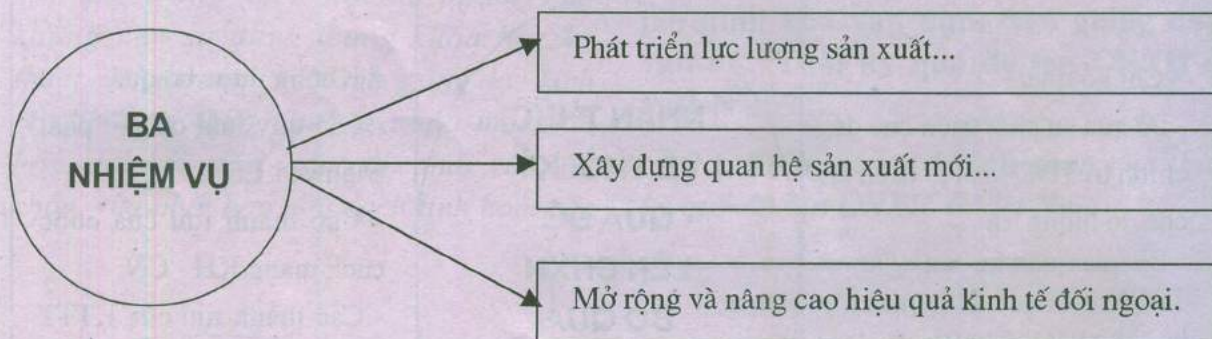
* Sự bỏ qua chế độ TBCN tiến lên CNXH



* Mô hình CNXH ở Việt Nam



2.3. Nhiệm vụ kinh tế cơ bản trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam



Từ những nội dung được trình bày ở trên, có thể nói, việc vận dụng phương pháp mô hình hoá trong giảng dạy kinh tế chính trị Mác - Lênin là một vấn đề rất cần thiết. Đây là một phương pháp có nhiều ưu thế. Phương pháp mô hình hoá của KTCT không chỉ làm phong phú nội dung kiến

thức bài giảng, mà còn làm gia tăng tính hấp dẫn đối với người học về những vấn đề kinh tế, nhất là những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta. Vì vậy, nếu vận dụng tốt phương pháp mô hình hoá trong giảng dạy kinh tế

(Xem tiếp trang 71)

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ “PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HỢP TÁC NHÓM” TRONG GIẢNG DẠY BỘ MÔN TÂM LÝ HỌC VÀ GIÁO DỤC HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

THS. VŨ KIM TƯỜNG

(Bộ môn Tâm lý - Giáo dục)

A- ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, ngành giáo dục nước ta đang có sự đổi mới mạnh mẽ về phương hướng dạy học phát huy tối đa tính tích cực, chủ động của học sinh, sinh viên. Trong Chỉ thị số 15 (4/1999) của Bộ GD&ĐT “Về đẩy mạnh hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập trong nhà trường sư phạm” đã khẳng định: “Vì nhà giáo có vai trò quyết định tới tất cả những đổi mới về: nội dung, chương trình, phương pháp ở tất cả các môn, các bậc học nên các nhà trường sư phạm có vị trí quan trọng trong quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập và công việc này phải bắt đầu từ trường sư phạm”.

Trong nhà trường sư phạm, bộ môn Tâm lý học và Giáo dục học (là bộ môn nghiệp vụ) có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển các kỹ năng sư phạm cho các giáo viên tương lai. Tuy nhiên, trên thực tế đây là những bộ môn ít được sinh viên quan tâm hứng thú học tập, do đó chất lượng và hiệu quả bộ môn chưa được cao. Nhận thức được vấn đề, chúng tôi cho rằng: Việc đổi mới phương pháp dạy học bộ môn Tâm lý học và giáo dục học trước hết phải có sự cải tiến về cách thức tác động tương hỗ giữa giảng viên, sinh viên và tài liệu học tập. Đổi mới phương pháp bộ môn theo hướng vừa trang

bị kiến thức vững chắc cho sinh viên vừa rèn kỹ năng nghề nghiệp cho họ.

Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, bộ môn Tâm lý học - giáo dục, trường Đại học Hùng Vương đã đặt ra nhiều vấn đề để nghiên cứu, chẳng hạn: *Làm thế nào để phát huy tính tích cực, tự giác học tập của sinh viên? Làm thế nào để sinh viên học tập tốt môn Tâm lý học và Giáo dục học? Thế nào là mô hình dạy học cổ hiệu quả? Sinh viên nhận thức như thế nào về “Phương pháp dạy học hợp tác nhóm”?...* Vì điều kiện có hạn, chúng tôi xin nêu ra một số kinh nghiệm vận dụng “Phương pháp dạy học hợp tác nhóm” trong giảng dạy bộ môn Tâm lý học và Giáo dục học ở trường Đại học Hùng Vương.

B - NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

I - Một số vấn đề về “Phương pháp dạy học hợp tác nhóm”

1. Khái niệm chung

“Phương pháp dạy học hợp tác nhóm” là việc tổ chức cho học sinh tích lũy kinh nghiệm xã hội lịch sử (tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, thái độ, giá trị chuẩn mực xã hội,...) trên cơ sở hợp tác giữa thầy và trò, giữa trò và trò trong quá trình dạy học.

2. Lịch sử vấn đề

Phương pháp dạy học hợp tác nhóm

không phải là tư tưởng mới. Lịch sử loài người đã chỉ ra rằng: Những cá nhân có thể tổ chức, phối hợp với nhau để đạt được mục đích chung là chống lại kẻ thù, để nhận thức thế giới, để chinh phục tự nhiên.

Nhận thức được vai trò thực tiễn của sự hợp tác, các nhà nghiên cứu và thực hành Mỹ, Canada và nhiều nước khác đã quan tâm nghiên cứu và áp dụng phương thức hợp tác nhóm vào trong quá trình dạy học.

Ở Việt Nam chúng ta từ năm 1989 khi thực hiện chương trình “giáo dục hoà nhập” do Thụy Điển tài trợ, các chuyên viên trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật - Viện khoa học giáo dục Việt Nam (nay là Viện nghiên cứu chiến lược và phát triển giáo dục Việt Nam) do PGS.TS. Trịnh Đức Duy phụ trách đã tập trung nghiên cứu và triển khai vận dụng phương pháp dạy học này rất có hiệu quả.

Đến nay phương pháp dạy học hợp tác nhóm đang được triển khai rộng rãi ở nhiều bậc học. Ở Trường Cao đẳng Sư phạm Phú Thọ (nay là Trường Đại học Hùng Vương), phương pháp này đã được các giảng viên bộ môn Tâm lý - Giáo dục vận dụng vào giảng dạy cho sinh viên khối cao đẳng sư phạm từ năm 1995 và thu được kết quả rất tốt.

3. Quy trình thực hiện phương pháp dạy học hợp tác nhóm

a) Xác định mục tiêu

b) Ra các quyết định

c) Tiến hành dạy

d) Đánh giá kết luận

II - Thực trạng việc vận dụng “Phương pháp hợp tác nhóm” của bộ môn Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Hùng Vương

1. Thực trạng vận dụng

“Phương pháp dạy học hợp tác nhóm” được bộ môn Tâm lý – giáo dục vận dụng mạnh mẽ vào giảng dạy bộ môn Tâm lý học và Giáo dục học ở Trường CĐSP Phú Thọ (nay là Trường Đại học Hùng Vương) từ những năm 1995. Trong quá trình vận dụng, chúng tôi rất chú trọng nghiên cứu lí luận, xây dựng mô hình bài giảng, dạy thử nghiệm, hội thảo khoa học, tập huấn phương pháp cho các tổ viên,... Kết quả: từ khi vận dụng đến nay chúng tôi đã tiến hành 5 hội thảo (cấp tổ 4, cấp trường 1); dạy được 308 giờ cho 4 khoá đào tạo CĐSP ở tất cả các phân môn mà bộ môn đảm nhiệm. Gần đây nhất chúng tôi vận dụng phương pháp vào giảng dạy học phần Lí luận giáo dục cho sinh viên lớp 2A Lí – Kỹ thuật cao đẳng sư phạm... và lấy lớp 2A Toán tin CĐSP làm đối chứng (kết quả học tập các phân môn khác trước đây của bộ môn 2 lớp này có kết quả tương đương). Kết quả thu được như sau :

Bảng 1 : Thống kê kết quả học tập học phần lí luận giáo dục học kì 4 - 2006

Lớp và số lượng SV	Xếp loại			
	Điểm giỏi	Điểm khá	Điểm TB	Điểm yếu
Lớp 2A - Lí - Kỹ thuật (TN) 40 SV	4 SV = 10%	21 SV = 52,5%	15 = 32,5	0
Lớp 2A Toán tin (ĐC) 40 SV	1 = 2,5%	17 = 42,5%	22 = 55	0

Bảng 2 : Thống kê kết quả thực hiện các kỹ năng của 2 lớp TN và ĐC

Nội dung kỹ năng	Mức độ đánh giá							
	Tốt		Khá		T.Bình		Yếu	
	Lớp (TN)	Lớp (ĐC)	Lớp (TN)	Lớp (ĐC)	Lớp (TN)	Lớp (ĐC)	Lớp (TN)	Lớp (ĐC)
Kĩ năng phân tích tài liệu	22,5%	12,5	50%	37,5	27,5	45%	0	5%
Kĩ năng trình bày vấn đề	45	30	47,5	55	7,5	7,5	0	7,5
Kĩ năng làm chủ ngôn ngữ	52,5	35	32,5	45	5	10	10	10
Kĩ năng ứng xử	37,5	22,5	25	17,5	30	32,5	7,5	27,5
Mức độ nắm vững và vận dụng kiến thức	55	47,5	25	20	20	32,5	0	0
Kĩ năng xây dựng kế hoạch	62,5	45	22,5	17,5	10	20	5	17,5

Với kết quả thu được như trên, trong quá trình vận dụng phương pháp dạy học hợp tác nhóm, chúng tôi khẳng định rằng: Phương pháp này có tính ưu việt trong giảng dạy bộ môn Tâm lí học và giáo dục học (với tư cách là bộ môn nghiệp vụ trong trường sư phạm).

2. Một số thuận lợi và khó khăn khi vận dụng “Phương pháp dạy học hợp tác nhóm”

a) Thuận lợi

- Đây là phương pháp dạy học rất phù hợp với bộ môn Tâm lí học và Giáo dục học, vì đây là môn khoa học vừa mang tính lí luận, vừa mang tính thực tiễn.

- Sinh viên là đối tượng có kinh nghiệm, vốn sống thực tiễn, có điều kiện và khả năng tự học, tự nghiên cứu.

- Tổ bộ môn có nhiều giảng viên có kinh nghiệm và khả năng hướng dẫn học sinh học tập theo phương pháp này.

b) Khó khăn

- Cơ sở vật chất: phòng học, tài liệu học tập và trang thiết bị, đồ dùng học tập còn nhiều thiếu thốn.

- Thời gian, chương trình quy định còn nhiều gò bó.

- Sinh viên chưa có thói quen và thiếu kinh nghiệm, kĩ năng trong học tập hợp tác nhóm.

- Xây dựng các vấn đề thảo luận đòi hỏi giảng viên phải có kinh nghiệm và trình độ bộ môn nhất định.

- Phương pháp này chỉ vận dụng đối với một số bộ môn, một số bài có liên hệ với thực tiễn.

III - Một số kinh nghiệm trong quá trình vận dụng phương pháp dạy học hợp tác nhóm có hiệu quả

Để có thể vận dụng phương pháp này được tốt theo chúng tôi cần lưu ý một số vấn đề sau :

- Cần phải bố trí lớp học thuận tiện cho việc di chuyển, hoạt động nhóm và quản lí lớp học.

- Hình thành và rèn luyện cho sinh viên một số kĩ năng phân chia nhóm và di chuyển nhóm. Thông thường một tiết học ở trường sư phạm có 45 phút, việc phân chia nhóm chỉ diễn ra từ 2 đến 3 phút. Do đó

đòi hỏi sinh viên phải nhanh chóng về vị trí nhóm của mình.

- Hình thành cho sinh viên ý thức hợp tác và ý thức hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được phân công, được giao (trưởng nhóm, thư kí, người đôn đốc theo dõi thời gian...).

- Sinh viên phải được hướng dẫn và có ý thức nghiên cứu tài liệu từ trước.

- Giảng viên xây dựng những vấn đề thảo luận, học tập phải vừa mang tính khái quát, vừa mang tính cụ thể và tính lôgic.

- Tính khái quát thể hiện vấn đề thảo luận khái quát được những kiến thức, kỹ năng cơ bản mà sinh viên cần phải chiếm lĩnh, lĩnh hội.

Tính cụ thể : Vấn đề thảo luận phải tạo điều kiện để sinh viên sử dụng vốn sống, kinh nghiệm và sự hiểu biết thực tiễn để giải quyết.

Tính lô gíc : các vấn đề thảo luận phải giúp sinh viên hệ thống kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo cần học tập.

- Giáo viên phải theo dõi, hỗ trợ và can thiệp kịp thời khi sinh viên có vấn đề khó khăn trong thảo luận.

- Cần phải tận dụng bảng một cách tối đa trong quá trình thảo luận của sinh viên (SV có thể tóm tắt nội dung thảo luận và trình bày ngay trên bảng). Mục đích của việc làm này là rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng trình bày bảng, viết bảng và tóm tắt nội dung,...

- Giáo viên cần phải tôn trọng mọi ý kiến của sinh viên.

- Sử dụng các thiết bị dạy học đa dạng, phong phú.

- Đánh giá kết quả học tập, giáo viên giữ vai trò là trọng tài.

C - KẾT LUẬN

Hợp tác nhóm là phương pháp dạy học có nhiều ưu điểm. Hình thức này không chỉ giúp cho sinh viên lĩnh hội tri thức một cách vững chắc, rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm mà còn tạo cho sinh viên sự năng động, sáng tạo, nhạy bén, sự mạnh dạn, tự tin trong học tập và rèn nghề.

Qua thực tế, phương pháp dạy hợp tác nhóm mà bộ môn Tâm lý – Giáo dục đã vận dụng vào giảng dạy các bộ môn thuộc tổ phụ trách đến nay đã đạt được những kết quả nhất định (ý thức học tập của sinh viên đối với bộ môn được nâng lên, sinh viên đã làm quen với hình thức học tập hợp tác nhóm, kết quả học tập cao hơn,...). Nhưng bên cạnh đó vẫn còn nhiều tồn tại bất cập mà các cấp lãnh đạo cần quan tâm giải quyết (giáo trình, tài liệu, thiết bị phục vụ giảng dạy, thời gian tự học cho sinh viên,...) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và sinh viên khi tham gia hình thức học tập này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. BCH TW Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần II – Khoá VIII.
2. Bộ Giáo dục & Đào tạo, Chỉ thị 15, 4/1999.
3. Trần Bá Hoàn, *Lí luận cơ bản về dạy học tích cực*, (...), Hà Nội, 2003.
4. Đặng Vũ Hoạt (Chủ biên), Hà Thị Đức, *Lí luận dạy học Đại học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004.
5. Lê Văn Hồng (Chủ biên), Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành, *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2001.
6. Tạp chí giáo dục, Số 81 (3/2004), Số 87 (5/2004), Số 107 (2/2005), Số 109 (3/2005).

BÀN VỀ MỘT SỐ CƠ SỞ KHOA HỌC ĐỂ VẬN DỤNG THỰC HIỆN CHƯƠNG III, ĐIỀU 10: ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

(Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy, ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)

CN.KS. PHẠM ĐỨC TRIỂN

(Bộ môn Kỹ thuật - Tin học)

Ngày 26/06/2006, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy thay thế Quyết định số 04/199/QĐ-BGD&ĐT ngày 11/02/1999 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trích đoạn trong **Chương III: Kiểm tra và thi học phần**

“Điều 10: Đánh giá học phần

I - Các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số không dưới 50% của điểm học phần.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

1. Các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Trung bình cộng điểm của các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến phần nguyên là điểm học phần loại này.

2. Giảng viên trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận trừ bài thi kết thúc học phần”.

Chúng ta đều biết, dạy học bao gồm hoạt động dạy và hoạt động học. Hai hoạt động này có quan hệ tương hỗ, hoạt động dạy là hoạt động cung cấp thông tin - dạy người học cách tự thu thập, xử lý, sử dụng thông tin. Hoạt động học là sự đáp ứng hoạt động dạy, vì vậy đó là hoạt động tiếp nhận, tự tìm kiếm, xử lý, sử dụng thông tin. Như vậy cả hai hoạt động của hai chủ thể đều liên quan đến thông tin (kiến thức) và phương pháp, biện pháp xử lý thông tin (phương pháp học và phương pháp dạy).

Trong việc thiết kế kế hoạch bài giảng, giảng viên phải quan tâm đầy đủ cả 3 nội dung của mục tiêu, đó là :

- Mục tiêu kiến thức
- Mục tiêu kỹ năng
- Mục tiêu thái độ

Chính vì vậy việc đánh giá kết quả học tập cần bảo đảm tính toàn vẹn của môn học hoặc chủ đề của học tập, đó là hệ thống các nhiệm vụ mà SV phải làm và phải đạt được hiệu quả theo các tiêu chí đã đề ra. Việc đánh giá cũng cần phải bao quát đủ ba lĩnh vực chung của học tập, cả quá trình lẫn kết quả hay thành tựu học tập: Từ việc nắm được, đến việc biết cách (có phương pháp) và cuối cùng là làm được - Thành tựu học tập có được ở người học phải là quá trình, tuần tự chứ không nhảy cóc; phải

là hiểu để vận dụng chứ không phải bắt chước hoặc áp dụng máy móc. Vận dụng thực hiện chương 3, điều 10 về đánh giá học phần của QĐ 25 cũng có một ý nghĩa quan trọng đối với người học, đó là: SV phải chịu trách nhiệm về việc học của bản thân mình. Các em được khuyến khích chịu trách nhiệm về hiệu quả của việc học, khuyến khích chủ động chứ không thụ động trong thái độ học. SV sẽ rất phấn khởi khi phát hiện ra rằng mình có thể tự giải quyết được những vấn đề khoa học của chính mình.

Trước hết, để nội dung đánh giá sát hợp, có thể tham khảo cách phân loại và mức độ thứ bậc của mục tiêu dạy học phỏng theo cách làm của BS.Bloom theo bảng sau:

Loại MT Thứ bậc	Mục tiêu kiến thức (Nhận thức)	Mục tiêu kỹ năng (Hành động)	Mục tiêu thái độ (Tinh cảm)
1	Biết, nhận biết, nhớ: Kể tên, liệt kê, mô tả, phát biểu, tái hiện lại... được đối tượng.	Bắt chước, làm theo: Lập lại được hành động qua quan sát, hướng dẫn trực tiếp	Định hướng, tiếp nhận: Chú ý, quan tâm có chủ định đến đối tượng.
2	Hiểu, thông hiểu: Hiểu, giải thích, minh họa, phán đoán... về đối tượng bằng ngôn ngữ của mình.	Thao tác, làm được: Thực hiện đúng trình tự hành động đã được quan sát, hướng dẫn trước đó (hình dung được)	Đáp ứng, phản ứng: ý thức được, biểu lộ cảm xúc về đối tượng (trả lời, hợp tác...).
3	Áp dụng, vận dụng : Phân biệt, chỉ rõ, xử lí, phát triển về đối tượng trong tình huống cụ thể	Chính xác: Hành động hợp lí, loại bỏ động tác thừa, tự điều chỉnh hành động.	Chấp nhận: Nhận xét, bình luận, thể hiện quan điểm (Thừa nhận, hứng thú, hưởng ứng)
4	Phân tích: xác định, phân biệt, so sánh, phân loại các yếu tố, bộ phận của đối tượng.	Biến hóa, phân chia hành động: Tự phân chia hành động thành các yếu tố hợp lí, đúng trình tự.	Tổ chức, Chuyển hoá: Chấp nhận giá trị, đưa nó vào hệ thống giá trị của bản thân, bảo vệ.
5	Tổng hợp: Tóm tắt, kết luận, giải quyết, hình thành nên đối tượng hoàn chỉnh.	Thành thạo, kĩ xảo: Chuyển tiếp linh hoạt các hành động, giảm thiểu sự tham gia của ý thức, tự động hoá.	Chuẩn định, Đánh giá: Ham mê, niềm tin, ý chí, quyết định.
6	Đánh giá: Phán xử, quyết định, lựa chọn... về đối tượng.		

Như vậy trong đánh giá chúng ta cần quan tâm đầy đủ các vấn đề mục tiêu của môn học như sau :

a) Về mục tiêu kiến thức

Các mục tiêu học để làm chủ kiến thức của sinh viên phải được xác định cả quá trình và kết quả học tập, là một công việc gian khổ với cả giảng viên và sinh viên, vì thế trong kế hoạch chúng ta đã giới hạn các kỹ năng ở mức cần thiết cho việc học tập và yêu cầu sinh viên phải có một khoảng thời gian chuẩn bị. (trong Mục 3, Điều 3 của QĐ 25 có ghi: “Đối với những học phần lí thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một đơn vị học trình sinh viên phải dành ít nhất 15 giờ chuẩn bị cá nhân”).

Sau khi đã xác định những gì sinh viên cần nắm vững, suy nghĩ kĩ về tiêu chuẩn được sử dụng, để SV “nắm vững kiến thức” ở mỗi mục tiêu, giảng viên thiết kế các bài kiểm tra thường xuyên để xem xét sinh viên đã đạt được mức cần thiết hay chưa và đồng thời đánh giá điểm thường xuyên. Việc đánh giá này rất có tác dụng với SV, bởi vì: Những kiến thức mà sinh viên thu nhận được là rất quan trọng nhưng mục tiêu quan trọng nhất của tiến trình giáo dục là rèn luyện cho SV thói quen học thường xuyên và tư duy thường xuyên bao gồm: tư duy tự điều chỉnh, tư duy sáng tạo. Với những năng lực và tư duy này, SV có thể học bất kì gì họ muốn ở bất cứ nơi nào và sẽ trở thành người lao động sáng tạo.

b) Về mục tiêu kỹ năng

Nếu hoạt động dạy là hoạt động cung cấp thông tin - dạy người học cách tự thu thập, xử lí, sử dụng thông tin thì hoạt động học là sự đáp ứng hoạt động dạy, vì vậy đó

là hoạt động tiếp nhận, tự tìm kiếm, xử lí, sử dụng thông tin. Như vậy cả hai hoạt động của hai chủ thể đều liên quan đến kiến thức và phương pháp học - phương pháp dạy. Và chính xuất phát từ lí do dạy cho người học cách học để họ có thể tự mình luôn thích ứng với môi trường mới và học suốt đời; chúng ta cần phải quan tâm đánh giá được kĩ năng thu thập, xử lí thông tin để làm chủ kiến thức của người sinh viên. Sinh viên nắm được họ có thể làm hoặc nhớ lại những gì và theo tiêu chuẩn nào, đồng thời họ cũng biết tự chỉnh sửa để từng bước vươn tới chân lí khoa học. Việc tổ chức dạy học chung cho cả lớp như hiện nay chưa cho phép mỗi cá nhân sinh viên có một tốc độ học riêng, nên việc đánh giá kĩ năng, năng lực thu nhận kiến thức khác nhau của SV là vấn đề khó. Đa số SV nắm kiến thức chỉ liên quan đến khả năng khi sử dụng các kĩ năng hay kiến thức cơ bản trong trường hợp rất quen thuộc và đã thực hành thành thạo. Những sinh viên đã đạt chuẩn nếu được cung cấp thêm các hoạt động mở rộng nhằm phát triển cao hơn mức cần nắm vững thì cũng nên khuyến khích và cần đánh giá các mục tiêu phát triển cho SV. Các bài kiểm tra thường xuyên nếu được thực hiện tốt sẽ hai lần tạo động lực: Nó sẽ thúc đẩy sinh viên tích cực chuẩn bị cho các bài kiểm tra và những thành công ở bài kiểm tra đó lại thúc đẩy họ một lần nữa.

c) Về mục tiêu thái độ

Mục tiêu thái độ có ý nghĩa rất quan trọng, đánh giá mục tiêu thái độ là một việc khó so với đánh giá các mục tiêu kiến thức và kĩ năng. Mục tiêu thái độ có tính ổn định tương đối và thường là nhất quán trong những tình huống tương tự nhau.

Tổ chức các hoạt động dạy học được triển khai theo hướng tích hợp sự phạm, dấu hiệu của quá trình dạy học này là: dạy học không phải chủ yếu là truyền đạt, cung cấp thông tin một chiều với dụng ý là trang bị kiến thức cho người học mà chủ yếu là rèn luyện khả năng tìm, quản lí thông tin và xử lí thông tin thành sản phẩm có ý nghĩa trong hoạt động sống. Hoạt động của người dạy là hoạt động tổ chức hoạt động tự học của người học, làm cho người học có phương pháp tự học. Người dạy không thông báo, cung cấp những thông tin có sẵn như cách dạy cũ mà thay vào đó là tạo ra các tình huống hoạt động sao cho khi thực hiện, người học có được cả sản phẩm kiến thức và năng lực tự thu nhận kiến thức.

Như vậy chỉ khi nào SV được hoạt động thì các mục tiêu do giảng viên thiết kế mới trở thành mục tiêu bên trong của SV. Các hoạt động của SV như: Nghiên cứu trước tài liệu ở nhà, thực hiện tốt các yêu cầu ở phiếu học tập, hăng hái chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận nhóm, say sưa tìm tòi để nắm chắc và mở rộng nội dung bài học v.v... đều là các biểu hiện của thái độ học tập mà giảng viên có thể lượng hoá được.

Hình thức thảo luận là một hình thức học tập đã được áp dụng ở nhiều trường đại học và đem lại hiệu quả giáo dục cao. Hình thức học tập này yêu cầu sự tham gia, đóng góp trực tiếp của SV vào quá trình học tập, đồng thời yêu cầu SV phải làm việc cùng nhau để đạt được kết quả học tập chung. Trong quá trình thảo luận, mỗi cá nhân SV tìm thấy lợi ích cho mình và cho tất cả thành viên trong nhóm, SV được “học bằng cách làm” chứ không phải “học bằng cách nghe” bài giảng trên lớp, người học có điều kiện học hỏi từ nhiều SV khác

trong lớp, do đó SV sẽ là trung tâm và giảng viên không còn độc chiếm diễn đàn.

Trong thảo luận, nếu GV thiết kế được các loại bài tập cho hoạt động trao đổi buộc SV phải tư duy và bài tập cho hoạt động so sánh thì sẽ tạo điều kiện tối đa để phát huy tính chủ động, sáng tạo, năng lực tư duy, tinh thần hợp tác giữa các SV trong lớp, tăng cường trách nhiệm của cá nhân trong nhóm, rèn luyện thói quen biết lắng nghe ý kiến của người khác, rèn luyện năng lực diễn đạt... Như vậy quá trình này diễn ra không thấy sự tác động trực tiếp của thầy đến trò mà thông qua nội dung học tập (thông tin), buộc trò phải thực hiện các nhiệm vụ học tập (xử lí thông tin). Qua thảo luận người GV hoàn toàn có thể đánh giá được SV bằng các tiêu chí cụ thể.

Mục tiêu thái độ có thể được đánh giá là sự thống nhất của 3 yếu tố:

- Yếu tố nhận thức: Coi việc nghiên cứu học tập môn học có giá trị, có tác dụng hay vô ích... Dựa trên cơ sở người học hiểu và vận dụng, làm được và họ thấy giá trị của mình thực sự được nâng lên, họ đo đếm được điều đó và rèn cho họ kĩ năng phân xét giá trị đích thực. Mặt khác trong học tập SV có thể coi môn học này là có giá trị hơn các môn học khác, điều đó cũng ảnh hưởng không ít đến việc tiếp thu kiến thức... (Nếu quan tâm chúng ta hoàn toàn có thể quan sát được qua thái độ của người học).

- Yếu tố xúc cảm (vui sướng, thích thú, thoải mái từ đó say sưa vận dụng tìm tòi đọc các tài liệu và tự mình đặt ra câu hỏi để tìm hiểu trong thực tế chúng được thể hiện như thế nào, tại sao lại như vậy?... Từ đó SV yêu thích công việc, miệt mài làm việc).

- Yếu tố về cách cư xử - hành vi, thể hiện ở sự mong muốn, nhiệt tình đọc tài liệu trước ở nhà, sẵn sàng tham gia vào hoạt động nhóm, chuẩn bị ý kiến trả lời vào các phiếu học tập, phiếu kĩ thuật...

Như vậy, đánh giá thái độ còn phụ thuộc vào thành tố nào sẽ được đánh giá ở mục tiêu thái độ. Cũng có thể đánh giá từng yếu tố, tuy nhiên, một cách đầy đủ phải đánh giá cả ba thành tố trên.

d) Về mục tiêu rèn luyện năng lực hoạt động thực tiễn

Để việc đánh giá sâu hơn, có thể quan tâm tới mục tiêu rèn luyện năng lực thực tiễn.

Sử dụng kiến thức của môn học có hiệu quả thể hiện ở chỗ trong những hoàn cảnh cụ thể SV có khả năng đưa ra những quyết

định phù hợp, khả năng điều tra xác định đặc tính của sự vật, điều tra vấn đề này đã xảy ra đồng thời có khả năng dự đoán được cái sẽ xảy ra. Các kiểu điều tra đều nhằm mục đích tìm giải pháp cho những mâu thuẫn và những điểm còn mơ hồ. Không chỉ có điều tra, SV còn có khả năng kiểm chứng bằng thực nghiệm có khả năng giải quyết vấn đề và năng lực phát minh. Giáo viên phải tạo cho SV cơ hội để áp dụng kiến thức đã học vào thực tế một cách hiệu quả; rèn kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề từ những sự kiện thực tế... Chỉ khi đạt được cả ba lĩnh vực mục tiêu thì quá trình học tập mới thực sự đầy đủ.

Các yếu tố trong mục tiêu được mô tả dưới hình thức những hành vi có thể quan sát được. Những hành vi đó là biểu hiện của hành động, của tri thức, kĩ năng, thái độ và tình cảm...

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP... (Tiếp theo trang 62)

chính trị Mác - Lênin thì nhất định sẽ góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng giáo dục lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C.Mác - Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 8 - 9 - 10, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
3. Chu Văn Cáp, *Vận dụng Nghị quyết Đại hội IX vào giảng dạy môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, Hà Nội, 2002.

4. *Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.

5. Seporow, *Phương pháp giảng dạy chính trị*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1986.

6. Đỗ Ngọc Sơn, *Cải tiến phương pháp giảng dạy: Đối tượng, phương pháp và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin*, SKKN, 1997.

7. Đỗ Ngọc Sơn, *Một số kinh nghiệm ban đầu về cải tiến phương pháp giảng dạy môn kinh tế chính trị Mác - Lênin*, Sáng kiến kinh nghiệm, 2001.

GIẢI THƯỞNG SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2006

THỰC hiện nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức xét tặng “Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học” năm 2006, trường Đại học Hùng Vương đã tiến hành triển khai công tác này ngay từ đầu năm học. Qua đó có thể nói rằng: phong trào NCKH của sinh viên được khởi sắc, có nhiều đề tài tham gia dự giải từ cấp khoa, trường. Ngày 10/9/2006, Hội đồng Khoa học trường đã tổ chức đánh giá, nghiệm thu và xếp loại đề tài: 1 giải nhất, 3 giải nhì, 1 giải ba. Đề tài đạt giải nhất: *Nhân vật bi kịch trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975* (thực hiện: *Bùi Huy Toàn* - SV lớp K2 SP Ngữ văn, do ThS. *Phạm Tuấn Anh* hướng dẫn). Ba đề tài đạt giải nhì là: *Cái phi lí trong cốt truyện truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp* (thực hiện: *Đình Văn Thuận* - SV lớp K2 SP Ngữ văn, do ThS. *Phạm Tuấn Anh* hướng dẫn); *hình ảnh người phụ nữ trong “Truyện kì mạn lục” của Nguyễn Dữ* (thực hiện: *Ngô Thị Thu Hiền* - SV lớp K2 SP Ngữ văn, do ThS. *Nguyễn Ngọc Yến* hướng dẫn); đề tài: *Phương trình đồng dư trên vành chính* (thực hiện: *Nguyễn Huyền Trang* - SV lớp K2 SP Toán - Khoa KHTN, do ThS. *Nguyễn Tiến Mạnh* và ThS. *Nguyễn Tân Sơn* hướng

dẫn). Giải ba thuộc về đề tài: *Khai thác hoa tiết hoa văn thời kì Hùng Vương để thiết kế, sản xuất trang sức bằng gốm tại trường Đại học Hùng Vương*; CNĐT: *Đỗ Đình Huynh* - SV lớp 3 Hoá - Khoa do CN. *Nguyễn Quang Hưng* hướng dẫn.

Đề tài *nhân vật bi kịch trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975* (thực hiện: *Bùi Huy Toàn* - SV lớp K2SP Ngữ văn, do NCS. *Phạm Tuấn Anh* hướng dẫn) được chọn gửi tham dự Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học do Bộ GD & ĐT tổ chức đã đạt giải khuyến khích.

Những thành quả nghiên cứu trên đây là dấu hiệu khởi đầu cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương, một hoạt động học thuật không thể thiếu ở môi trường giáo dục đại học.

Nhà trường đánh giá cao và ghi nhận sự cố gắng của Chi đoàn CBGV trong việc phát động và tập hợp các báo cáo; nhất là các giảng viên hướng dẫn và các sinh viên thực hiện đề tài, những người đã khắc phục rất nhiều khó khăn khách quan để hoàn thành các công trình nghiên cứu.

B.B.T